

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**KẾT QUẢ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU SINH KHÓA KHÓA XIV - ĐỢT 1 NĂM 2025**

Học viện Khoa học xã hội - 477 Nguyễn Trãi, Thanh Liệt, Hà Nội

Lớp: NCS - Chính sách công

Học phần: Tổng quan chính sách công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Kiểm tra	Điểm Thi	Điểm học phần		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Văn Bắc	10/09/1980	7,0	8,0	7,7	Bảy phẩy bảy	
2	Nguyễn Trí Công	11/05/1989	7,0	8,5	8,1	Tám phẩy một	
3	Tôn Quang Hòa	20/09/1977	8,0	8,0	8,0	Tám phẩy không	
4	Nguyễn Hoài Linh	08/02/1979	8,5	8,0	8,2	Tám phẩy hai	
5	Danh Minh	05/05/1973	6,5	8,0	7,6	Bảy phẩy sáu	
6	Trần Đình Nuôi	24/12/1991	7,5	8,0	7,9	Bảy phẩy chín	
7	Nguyễn Thị Kim Phương	18/10/1985	7,5	8,5	8,2	Tám phẩy hai	
8	Nguyễn Thị Lan Phương	01/03/1985	7,0	8,5	8,1	Tám phẩy một	
9	Bùi Viết Toàn	14/02/1982	7,0	8,5	8,1	Tám phẩy một	
10	Trần Thảo Vy	20/01/1988	7,0	8,5	8,1	Tám phẩy một	



PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**KẾT QUẢ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU SINH KHÓA KHÓA XIV - ĐỢT 1 NĂM 2025**

Học viện Khoa học xã hội - 477 Nguyễn Trãi, Thanh Liệt, Hà Nội

Lớp: NCS - Chính sách công

Học phần: Thực hiện chính sách công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Kiểm tra	Điểm Thi	Điểm học phần		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Văn Bắc	10/09/1980	7,0	9,0	8,4	Tám phẩy bốn	
2	Nguyễn Trí Công	11/05/1989	7,5	9,0	8,6	Tám phẩy sáu	
3	Tôn Quang Hòa	20/09/1977	8,5	9,0	8,9	Tám phẩy chín	
4	Nguyễn Hoài Linh	08/02/1979	7,5	6,5	6,8	Sáu phẩy tám	
5	Danh Minh	05/05/1973	6,5	5,5	5,8	Năm phẩy tám	
6	Trần Đình Nuôi	24/12/1991	8,0	8,0	8,0	Tám phẩy không	
7	Nguyễn Thị Kim Phương	18/10/1985	7,5	9,0	8,6	Tám phẩy sáu	
8	Nguyễn Thị Lan Phương	01/03/1985	8,0	6,0	6,6	Sáu phẩy sáu	
9	Bùi Viết Toàn	14/02/1982	8,0	8,0	8,0	Tám phẩy không	



PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**KẾT QUẢ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU SINH KHÓA KHÓA XIV - ĐỢT 1 NĂM 2025**

Học viện Khoa học xã hội - 477 Nguyễn Trãi, Thanh Liệt, Hà Nội

Lớp: NCS - Chính sách công

Học phần: Xây dựng chính sách công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Kiểm tra	Điểm Thi	Điểm học phần		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Văn Bắc	10/09/1980	8,0	7,5	7,7	Bảy phẩy bảy	
2	Nguyễn Trí Công	11/05/1989	8,5	8,0	8,2	Tám phẩy hai	
3	Tôn Quang Hòa	20/09/1977	8,5	7,5	7,8	Bảy phẩy tám	
4	Nguyễn Hoài Linh	08/02/1979	7,5	8,0	7,9	Bảy phẩy chín	
5	Danh Minh	05/05/1973	8,5	9,0	8,9	Tám phẩy chín	
6	Trần Đình Nuôi	24/12/1991	8,5	8,0	8,2	Tám phẩy hai	
7	Nguyễn Thị Kim Phương	18/10/1985	8,0	9,0	8,7	Tám phẩy bảy	
8	Nguyễn Thị Lan Phương	01/03/1985	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	
9	Bùi Viết Toàn	14/02/1982	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**KẾT QUẢ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU SINH KHÓA KHÓA XIV - ĐỢT 1 NĂM 2025**

Học viện Khoa học xã hội - 477 Nguyễn Trãi, Thanh Liệt, Hà Nội

Lớp: NCS - Chính sách công

Học phần: Phân tích chính sách công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Kiểm tra	Điểm Thi	Điểm học phần		Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ	
1	Nguyễn Văn Bắc	10/09/1980	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	
2	Nguyễn Trí Công	11/05/1989	8,0	8,0	8,0	Tám phẩy không	
3	Tôn Quang Hòa	20/09/1977	8,5	8,5	8,5	Tám phẩy năm	
4	Nguyễn Hoài Linh	08/02/1979	8,0	8,0	8,0	Tám phẩy không	
5	Danh Minh	05/05/1973	8,0	8,0	8,0	Tám phẩy không	
6	Trần Đình Nuôi	24/12/1991	8,0	9,0	8,7	Tám phẩy bảy	
7	Nguyễn Thị Kim Phương	18/10/1985	8,0	9,0	8,7	Tám phẩy bảy	
8	Bùi Viết Toàn	14/02/1982	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	
9	Trần Thảo Vy	20/01/1988	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	

GIÁM ĐỐC  
HỌC VIỆN  
KHOA HỌC  
XÃ HỘI  
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**KẾT QUẢ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU SINH KHÓA KHÓA XIV - ĐỢT 1 NĂM 2025**

Học viện Khoa học xã hội - 477 Nguyễn Trãi, Thanh Liệt, Hà Nội

Lớp: NCS - Chính sách công

Học phần: Đánh giá chính sách công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Kiểm tra	Điểm Thi	Điểm học phần		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Văn Bắc	10/09/1980	8,5	8,0	8,2	Tám phẩy hai	
2	Nguyễn Trí Công	11/05/1989	8,0	7,5	7,7	Bảy phẩy bảy	
3	Tôn Quang Hòa	20/09/1977	9,0	9,0	9,0	Chín phẩy không	
4	Nguyễn Hoài Linh	08/02/1979	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	
5	Danh Minh	05/05/1973	7,5	7,5	7,5	Bảy phẩy năm	
6	Trần Đình Nuôi	24/12/1991	8,5	8,0	8,2	Tám phẩy hai	
7	Nguyễn Thị Kim Phương	18/10/1985	9,0	8,5	8,7	Tám phẩy bảy	
8	Nguyễn Thị Lan Phương	01/03/1985	8,5	8,5	8,5	Tám phẩy năm	
9	Bùi Viết Toàn	14/02/1982	9,0	9,0	9,0	Chín phẩy không	
10	Trần Thảo Vy	20/01/1988	9,0	9,0	9,0	Chín phẩy không	



PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

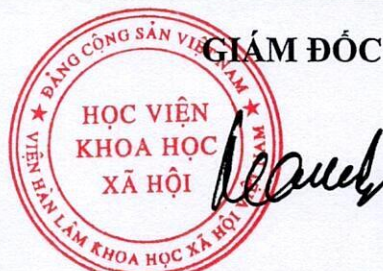
**KẾT QUẢ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU SINH KHÓA KHÓA XIV - ĐỢT 1 NĂM 2025**

Học viện Khoa học xã hội - 477 Nguyễn Trãi, Thanh Liệt, Hà Nội

Lớp: NCS - Chính sách công

Học phần: Chính sách hội nhập

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Kiểm tra	Điểm Thi	Điểm học phần		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Văn Bắc	10/09/1980	8,0	8,5	8,4	Tám phẩy bốn	
2	Tôn Quang Hòa	20/09/1977	8,5	8,5	8,5	Tám phẩy năm	
3	Nguyễn Hoài Linh	08/02/1979	7,5	9,0	8,6	Tám phẩy sáu	
4	Trần Đình Nuôi	24/12/1991	6,5	9,0	8,3	Tám phẩy ba	
5	Bùi Viết Toàn	14/02/1982	7,0	8,5	8,1	Tám phẩy một	



PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng